

Bản án số: 282/2018/DS-ST
Ngày: 24/5/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phương Thảo

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Dừa;
2. Bà Tổng Thị Kim Điền.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Ngọc Đức - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 16/2018/TLST-DS ngày 09/01/2018, về việc: “Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần T

Địa chỉ trụ sở: Phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Hồng L, sinh năm 1981; (Có mặt)

Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 69/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 25/12/2017).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2017 và tại các bản tự khai, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (Sau đây gọi là Ngân hàng) do ông Phan Hồng L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần T ký Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20150128-802005-0013 ngày 23/01/2015 với ông Lê Văn H, số tiền vay 29.400.000 (Hai mươi chín triệu bốn trăm ngàn) đồng, thời hạn vay 36 tháng với lãi suất thỏa thuận 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Lê Văn H có trách nhiệm thanh toán số tiền 54.301.000 đồng (Năm mươi bốn triệu ba trăm lẻ một ngàn) gồm cả gốc và lãi, trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.502.000 đồng (Một triệu năm trăm lẻ hai ngàn), tháng cuối cùng trả 1.731.000 đồng (Một triệu bảy trăm ba mươi một ngàn). Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/3/2015. Ông Lê Văn H đã nhận đủ số tiền và thanh toán cho Ngân hàng 16 kỳ với tổng số tiền đã trả 22.614.000 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm mười bốn ngàn). Kể từ ngày 16/5/2016, ông Lê Văn H không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù nguyên đơn đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Lê Văn H phải thanh toán tổng số tiền còn thiếu tính đến ngày 24/5/2018 là 31.687.000 (ba mươi một triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn) đồng trong đó nợ gốc là 21.670.636 (hai mươi một triệu sáu trăm bảy mươi ngàn sáu trăm ba mươi sáu) đồng và nợ lãi là 10.016.364 (mười triệu không trăm mười sáu ngàn ba trăm sáu mươi bốn) đồng. Tất cả trả làm một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông Lê Văn H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T tiền lãi phát sinh theo quy định kể từ ngày 25/5/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi phát sinh theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20150128-802005-0013 ngày 23/01/2015 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, ông Phan Hồng L là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra, ông L xác định chỉ yêu cầu ông Lê Văn H thanh toán số tiền còn nợ như trên, không yêu cầu trách nhiệm liên đới vợ chồng vì đây là hợp đồng tín dụng cho vay tiêu dùng hợp pháp của cá nhân ông Lê Văn H.

* Bị đơn ông Lê Văn H đã được Tòa án tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 16/3/2018 và 03/4/2018 nhưng ông H không đến làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến

của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn ông Lê Văn H. Tòa án cũng tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 nhưng ông Lê Văn H vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, TP. Hồ Chí Minh:

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn ông Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Căn cứ các Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Văn H thanh toán số tiền còn thiếu là 31.687.000 (ba mươi một triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn) đồng. Bị đơn ông Lê Văn H sinh năm 1971 có địa chỉ cư trú tại khu phố 4, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản là loại tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn, ông Lê Văn H đã được tổng đạt niêm yết hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn xác nhận việc cho ông H vay để tiêu dùng cá nhân nên chỉ yêu cầu cá nhân ông H thanh toán số tiền còn nợ như trên, không yêu cầu trách nhiệm liên đới vợ chồng nên đề nghị Tòa án không triệu tập vợ ông H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

trong vụ án. Xét ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông H nhưng vẫn không có ý kiến phản đối. Do đó, Tòa án không triệu tập vợ của ông Hai tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Văn H phải thanh toán tổng số tiền còn thiếu tính đến ngày 24/5/2018 là 31.687.000 (ba mươi một triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn) đồng, trong đó nợ gốc là 21.670.636 (hai mươi một triệu sáu trăm bảy mươi ngàn sáu trăm ba mươi sáu) đồng và nợ lãi là 10.016.364 (mười triệu không trăm mười sáu ngàn ba trăm sáu mươi bốn) đồng. Tất cả trả làm 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông Lê Văn H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T tiền lãi phát sinh theo quy định kể từ ngày 25/5/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Theo kết quả trả lời Phiếu yêu cầu xác minh số 29/2018/PYCXM ngày 15/01/2018 của Công an phường T, Quận 7 thì: “Đương sự Lê Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 4, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và cư ngụ tại địa chỉ trên”.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Lê Văn H các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 16/2018/TBTL-DS ngày 09/01/2018; giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/3/2018; giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 03/4/2018; giấy triệu tập tham gia phiên tòa và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 nhưng bị đơn ông Lê Văn H vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 4 Điều 91, Điều 94, Điều 95 và Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn ông Lê Văn H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình và phải chịu hậu quả của việc vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như các chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Ngân hàng Thương mại cổ phần T hoạt động các lĩnh vực tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Mã số doanh nghiệp: 0100233583) của Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp; đồng thời Ngân hàng Thương mại cổ phần T – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động trong những ngành nghề theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần T theo Giấy

chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20150128-802005-0013 ngày 23/01/2015 giữa Ngân hàng với ông Lê Văn H, thì Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng cho ông H với số tiền 29.400.000 (Hai mươi chín triệu bốn trăm ngàn) đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ông H nhận được tiền vay; lãi suất thỏa thuận 3,75%/tháng. Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân. Xét, chủ thể ký kết, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên buộc các bên phải thực hiện theo thỏa thuận Hợp đồng.

Thực hiện Hợp đồng, ông Lê Văn H đã nhận đủ tiền vào ngày 23/01/2015. Theo thỏa thuận, ông H có nghĩa vụ trả nợ 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.502.000 đồng (Một triệu năm trăm lẻ hai ngàn), tháng cuối cùng trả 1.731.000 đồng (Một triệu bảy trăm ba mươi một ngàn). Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/3/2015. Tuy nhiên, ông H chỉ thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 16 (mười sáu) kỳ với tổng số tiền là 22.614.000 (hai mươi hai triệu sáu trăm mười bốn ngàn) đồng và từ sau ngày 16/5/2016 ông H không thanh toán tiếp các khoản nợ theo như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả làm một lần số tiền nợ gốc và tiền lãi đến ngày 24/5/2018 là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của ngân hàng nhà nước thì lãi suất cơ bản tính từ ngày 01/12/2010 là 9%/năm. Như vậy, lãi

suất cho vay trong hạn và lãi suất cho vay quá hạn tối đa là 13,5%/năm, tương đương 1,125%/tháng.

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Thỏa thuận lãi suất vượt quá 13,5%/năm là cao so với quy định của pháp luật dân sự. Tuy nhiên Ngân hàng Thương mại cổ phần T có chức năng hoạt động tín dụng nên phần lãi suất do các bên thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi phát sinh theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20150128-802005-0013 ngày 23/01/2015 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử là tự nguyện, có lợi cho người vay nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

Về thời gian trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền gốc, tiền lãi tính đến hết ngày 24/5/2018 là 31.687.000 đồng (ba mươi một triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn), tất cả trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của nguyên đơn không trái quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất do hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trả góp số 20150128-802005-0013 ngày 23/01/2015 kể từ ngày 25/5/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận hợp đồng nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bị đơn có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 792.175 (bảy trăm chín mươi hai ngàn một trăm bảy mươi lăm) đồng.

[6] Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần T, ông Lê Văn H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 466, Điều 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Lê Văn H.
2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

2.1. Buộc bị đơn ông Lê Văn H có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T tổng số tiền tính đến ngày 24/5/2018 là 31.687.000 (ba mươi một triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn) đồng, tất cả trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng Thương mại cổ phần T không yêu cầu ông Lê Văn H thanh toán tiền lãi phát sinh đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2018, ông Lê Văn H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20150128-802005-0013 ngày 23/01/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Lê Văn H phải chịu án phí là 1.584.350 (một triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn ba trăm năm mươi) đồng.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 792.175 (bảy trăm chín mươi hai ngàn một trăm bảy mươi lăm) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0024997 ngày 09/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị đơn ông Lê Văn H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Đức).

Lê Phương Thảo